

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Ngày: 28/6/2022

## NHÂN DANH

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Văn Đăng

*Các Hôi thâm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Cường

Bà Phùng Hòa Hiệp

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Tùng Trúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T;**

Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày dd tháng mm năm yy tại QN, QX, Thanh Hóa

Nơi cư trú: thôn dd, xã QN, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam;      Dân tộc: Kinh;      Tôn giáo: không

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Lê Văn L - Sinh năm yy và bà Lê Thị T - Sinh năm yy

Cùng trú tại: thôn dd, xã QN, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa

Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Có vợ là Lê Thị Q - Sinh năm dd, có con tên là Lê Gia B - Sinh năm yy. Hiện trú tại Thôn dd, xã Q N, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa

Tiền sự: Không

Tiền án: Không

Bị cáo bị bắt đ<sup>ể</sup> tam giam từ ngày 01/4/2022. Hiện bị cáo có mặt tại phiên Tòa;

*Bị hại:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1990, trú tại: thôn Vệ An, xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt có lý do;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Văn L, sinh năm dd, trú tại: Thôn đ, xã QN, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. Trần Văn D, sinh năm dd, trú tại: tổ dd, phường TH, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

*Người làm chứng:*

3. Đỗ Văn H, sinh năm dd, trú tại: thôn VA, xã T C, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T - SN dd, trú tại Thôn dd, xã QN, huyện Q X, tỉnh Thanh Hóa là lao động tự do làm công việc kéo dây điện và sửa chữa đường điện tại khu vực thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình cùng làm với T có anh Đỗ Văn H - SN 1988, Nguyễn Văn P - SN 1990 cùng trú tại thôn VA xã TC, huyện LS, tỉnh Hòa Bình và Lường Văn M - SN dd trú tại xóm T T, xã TT, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 29/11/2021, do bị đau bụng nên Lê Văn T nói với anh H xin nghỉ không đi làm, ở lại nhà trọ mà cả bốn người cùng nhau thuê có địa chỉ tại tiểu khu Công, thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc nghỉ ngơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Sirius, biển kiểm soát 28G1-271.06 chở theo anh Lường Văn M về nhà trọ, thấy P và M về đến Lê Văn T hỏi mượn xe mô tô trên của anh Nguyễn Văn P để đi mua thuốc lá và thuốc đau bụng, anh P đồng ý. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe đi theo hướng thị trấn Đà Bắc ra thành phố Hòa Bình, T dừng xe tại một cửa hàng tạp hóa thuộc địa phận thị trấn Đà Bắc mua thuốc lá và tìm mua thuốc đau bụng. Trong khi T đang tìm mua thuốc đau bụng thì nhận được cuộc điện thoại do người của công ty Việt Thuận có địa chỉ ở Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh gọi điện bảo T xuống Quảng Ninh để làm các thủ tục chuẩn bị lên tàu biển làm công việc bốc vác chuyển hàng từ Việt Nam ra nước ngoài. Do trên người không có tiền, T nảy sinh ý định sẽ cầm cố chiếc xe mô tô trên của anh P để lấy tiền đi Quảng Ninh, T điều khiển xe đi ra đến thành phố Hòa Bình vào cửa hàng kinh doanh vàng bạc của ông Trần Văn D - SN dd, tại tổ dd, phường TH, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đề nghị cầm cố chiếc xe mô tô với giá 6.000.000đ (sáu triệu đồng), T đưa cho ông D giấy tờ đăng ký xe mô tô của anh P tìm được trong cốp xe, sau khi kiểm tra số biển kiểm soát, số khung, số máy đúng với giấy tờ xe và được T cho biết xe trên là của T nên ông D đồng ý cho T vay số tiền 6.000.000đ và để lại chiếc xe, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô làm tin (do ông D không kinh doanh dịch vụ cầm đồ) nên thống nhất cho T vay tiền và thống nhất khoảng 01 tháng sau T sẽ đến trả tiền và lấy lại xe. Sau khi nhận được tiền, T bắt xe khách xuống thành phố Hà Nội

ngủ lại một đêm. Đến ngày 30/11/2021 thì T bắt xe xuống Quảng Ninh bỏ trốn, số tiền trên T đã chi tiêu hết.

Nguyễn Văn P, sau khi không thấy T trả lại chiếc xe mô tô đã mượn thì anh P đã gọi nhiều cuộc điện thoại cho T nhưng T không nghe máy, đến khoảng 17 giờ ngày 01/12/2021, thì T đã gọi điện thoại lại cho anh H và thông báo rằng đã cầm cố chiếc xe mô tô trên của anh P, hứa sẽ chuộc lại xe cho P, sau đó cắt liên lạc với H và P. Anh P sau khi biết được T đã mang xe mô tô của mình đi cầm cố nhưng không được sự đồng ý của anh, anh P đã nhiều lần gọi điện thoại liên lạc với T để yêu cầu T trả lại chiếc xe mô tô nhưng không liên lạc được. Đến ngày 09/12/2021, anh Nguyễn Văn P có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đà Bắc tố cáo hành vi trên của Lê Văn T.

Sau khi tiếp nhận tin báo, tổ giác tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đà Bắc đã tiến hành xác minh, xác định Lê Văn T không có mặt tại nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đà Bắc đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn T. Ngày 01/4/2022, bị can Lê Văn T bị bắt để tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 02/LB-CSĐT ngày 03/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đà Bắc với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trong thời gian chuẩn bị lên tàu, T có gọi điện thoại cho em họ là Nguyễn Văn Phương - SN 1998 cùng trú tại thôn 6, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhờ Phương nói lại với bố mình là ông Lê Văn L - SN 1968 về việc đã cầm cố chiếc xe của anh P, khoảng hai đến ba ngày sau trước khi lên tàu để ra nước ngoài, T gửi giấy tờ cá nhân của anh P tìm thấy trong cốp xe gồm có (Giấy phép điều khiển xe mô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe mô tô, căn cước công dân, chứng minh nhân dân) gửi qua dịch vụ bưu điện về cho Nguyễn Văn Phương nhờ đưa cho ông L để trả lại và chuộc lại xe cho anh Nguyễn Văn P, sau đó thì lên tàu ra biển. Ngày 24/12/2021, sau khi nhận được số giấy tờ T gửi và được T cho biết nơi cầm cố chiếc xe, ông L liên lạc với anh P và đến thành phố Hòa Bình gặp ông Trần Văn D trả số tiền 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) (trong đó 6.000.000đ là tiền T vay và đưa cho ông D thêm 300.000đ là tiền cảm ơn đã giữ xe và trả lại giấy tờ xe cho ông L) lấy lại xe, ông L mang xe mô tô trên giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đà Bắc phục vụ điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 09/KL – HĐĐGTS ngày 30/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đà Bắc kết luận: “01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe sirius được chủ sở H mua mới từ năm 2019 có trị giá 8.500.000đ (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 16/5/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Lê Văn T không có tình tiết tăng nặng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố theo tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Lê Văn T;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của BLHS xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 04 đến 05 tháng tù giam;

- *Về trách nhiệm dân sự:*

Anh Nguyễn Văn P là bị hại trong vụ án đã nhận lại được tài sản là chiếc xe mô tô như trên. Nên không đề nghị giải quyết.

Ông Lê Văn L - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được T tác động và đã tự nguyện dùng tiền cá nhân chuộc lại chiếc xe trên với giá 6.000.000đ và 300.000đ tiền cảm ơn thay cho T. Nên không đề nghị giải quyết.

Ông Trần Văn D - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho T vay tiền đã nhận lại số tiền cho vay. Nên không đề nghị giải quyết.

- *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan CSĐT Công an huyện Đà Bắc đã ra quyết định tạm giữ đồ vật tài liệu số 23 ngày 24/12/2021 đối với: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, biển kiểm soát 28G1 – 271.06 thuộc quyền sở H của anh Nguyễn Văn P. Ngày 06/4/2022, anh P có đơn xin lại tài sản trên, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đà Bắc đã xử lý vật chứng bằng trả lại tài sản cho chủ sở H hợp pháp là anh Nguyễn Văn P, nên không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

- *Về hình phạt bổ sung:* Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng.

- *Về án phí đề nghị:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có lời tự bào chữa, không tham gia tranh luận; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm của mình.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét hành vi và các Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì về các hành vi và quyết định tố tụng đó. Do vậy, hành vi và quyết định tố tụng trên là hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng: Trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với hành vi khách quan của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Ngày 29/11/2021, sau khi mượn được chiếc xe mô tô BKS 28G1-271.06 của anh Nguyễn Văn P để đi mua thuốc lá và thuốc đau bụng, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô của anh P. T đã mang chiếc xe trên đi cầm cố để lấy số tiền trị giá 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) mà không được sự đồng ý của anh P. Sau đó T đã bỏ trốn và sử dụng hết số tiền trên vào việc chi tiêu cá nhân dẫn đến việc không có khả năng chuộc lại chiếc xe mô tô cho anh P.

Xét thấy, bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại là anh Nguyễn Văn P để mượn tài sản là chiếc xe mô tô của anh P sử dụng, sau đó nảy sinh ý định mang đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô tại thời điểm T thực hiện hành vi là 8.500.000đ (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*) đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 điều 175 BLHS.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Do vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo Lê Văn T sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã có tác động với gia đình để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội, bằng việc T đã chủ động gửi số giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Văn P về cho ông Lê Văn L là bố của T, tác động ông L khắc phục hậu quả chuộc lại chiếc xe T đã cầm cố. Ngày 06/5/2022, anh Nguyễn Văn P có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Lê Văn T. Do đó, căn cứ theo điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về quyết định hình phạt:

Lê Văn T là người có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật. Quá trình điều tra xác định được Lê Văn T đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, không có đồng phạm; bị cáo là người có năng lực hành vi, hiểu biết pháp luật, do đó T phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm hại tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và còn gây ra tình trạng mất trật tự trị an trên địa bàn, hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm minh, có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Quá trình điều tra, thấy rằng, sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 23/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc đã ra yêu cầu truy nã bị can số 01/YC-VKSĐB do bị cáo không có mặt tại nơi cư trú, đến ngày 01/4/2022, bị cáo đã bị CQĐT bắt để tạm giam. Với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo, nhận thấy rằng, cần phải xử phạt bị cáo bằng một bản án nghiêm khắc, cần thiết phải có thời gian cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình xét xử, cần xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ bị cáo để có mức án phù hợp với bị cáo. Bị cáo là người có nhân thân tốt, có 4 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS. Do đó, việc áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là hợp tình, hợp lý thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Quá trình điều tra xác định: ông Trần Văn D – sinh năm dd, trú tại tổ dd, phường T H, Tp Hòa Bình làm chủ tiệm kinh doanh vàng bạc, khi T đề nghị cầm cố chiếc xe mô tô của anh P, do không biết chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có, kiểm tra có đầy đủ giấy tờ xe nên đã đồng ý cho T vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và để lại chiếc xe mô tô làm tin. Do đó không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với ông D là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại: Anh Nguyễn Văn P, đã nhận lại tài sản đó đó anh P không có yêu cầu gì thêm. Tòa án không đề cập đến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn L - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được T tác động và đã tự nguyện dùng tiền cá nhân chuộc lại chiếc xe trên với giá 6.000.000đ và 300.000đ tiền cảm ơn thay cho T, không yêu cầu T hoàn lại số tiền đó cho mình. Nên Tòa án không đề cập đến.

+ Ông Trần Văn D - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho T vay tiền đã nhận lại số tiền cho vay. Nên Tòa án không đề cập đến.

[6] Về vật chứng:

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đà Bắc đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, biển kiểm soát 28G1 – 271.06 cho anh Nguyễn Văn P là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ b khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Điều 136; khoản 3 Điều 329; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2. Tuyên bố bị cáo: Lê Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày 01/4/2022;

3. Về án phí: bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- CQĐT, THAHS huyện Đà Bắc;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ công an huyện Đà Bắc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Xa Văn Đặng**